

Số: 73/2021/QĐST-HNGĐ

K, ngày 25 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: **Ông Lê Hoàng A** – sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 04, khu phố Ba Hòn, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: **Bà Vi Thị Thùy L** – sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 04, khu phố Ba Hòn, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Hoàng A và bà Vi Thị Thùy L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Lê Hoàng A và bà Vi Thị Thùy L kết hôn với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/7/2015. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng, thường hay cự cãi, tình cảm mâu thuẫn trầm trọng nên ông, bà đã sống ly thân. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông A và bà L thuận tình ly hôn với nhau và được Tòa án ghi nhận.

- Về con chung: Ông A và bà L 02 người con chung là Lê Văn L – sinh ngày 12/4/2015 và Lê Văn T – sinh ngày 12/4/2015. Ghi nhận sự thoả thuận của Ông A

và bà L là Giao cháu Lê Văn T cho ông A tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và giao cháu Lê Văn L cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông A và bà L đều không yêu cầu nên các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về T sản chung và nợ chung: Ông A và bà L trình bày không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng, mỗi bên chịu một nửa nhưng ông A tự nguyện nộp toàn bộ. Số tiền án phí ông A phải nộp là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0008946 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Số tiền còn thừa ông A được nhận lại là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhA dA huyện K;
- UBND thị trấn K - H.K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Pho